TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2017
V/v Ly hôn giữa anh Q và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thẩm
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11-7-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 03-5-2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-6-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07-7-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê Hải Q, sinh năm 1987. Có mặt
Hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989. Vắng mặt
Hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Lê Minh B. Vắng mặt
Trú tại: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-4-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Hải Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 30-01-2012 do Uỷ ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06. Sau ngày cưới, vợ chồng anh về sống cùng bố mẹ anh. Vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, có những lời nói xúc phạm đến danh dự của nhau. Tuy sống cùng một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, ly thân từ tháng 11 năm 2016. Anh làm kinh doanh ở Hưng Yên, cuối tuần lại về nhà nhưng ít khi vợ chồng nói chuyện với nhau. Anh có nói với chị H vợ chồng không sống được với nhau thì ly hôn, chị H nói để anh tự giải quyết đơn phương. Nay anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 06-11-2012. Anh Q đồng ý để chị H nuôi con, anh không phải góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q đi làm xa, có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Chị cũng nói chuyện với bố mẹ chồng biết, ông bà khuyên ngăn anh Q nhưng không được. Chị không xuất trình được căn cứ chứng minh anh Q có người phụ nữ khác. Nay chị không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ, chị không muốn gia đình tan vỡ, con không có cả bố và mẹ. Nếu anh Q vẫn kiên quyết ly hôn thì để anh Q tự giải quyết đơn phương.

- Về con chung: Vợ chồng chị có con chung như anh Q trình bày. Chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh Q đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, đại diện địa phương cung cấp: Quá trình anh Q, chị H chung sống với nhau có mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không biết được. Ban hòa giải của thôn có lần gặp gỡ và hòa giải mâu thuẫn của anh chị do ông B (bố anh Q) nhờ.

Ông Lê Minh B là bố đẻ anh Q cung cấp: Trong quá trình chung sống, anh Q và chị H hay cãi nhau, nguyên nhân do chị H nóng tính, hay ghen tuông,

nghi ngờ anh Q nên vợ chồng không tin tưởng nhau. Tuy sống chung một nhà nhưng gần một năm nay anh chị ở mỗi người một phòng. Ông cũng đã khuyên bảo các con nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nhiều lần chị H bỏ đi mà không xin phép gia đình ông. Nay anh Q xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Q.

Tại phiên toà:

Anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, để chị H nuôi con chung, anh không phải đóng góp tiền nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hải Q và chị Nguyễn Thị Thu H. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Bảo N, sinh ngày 06-11-2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q không phải đóng góp tiền nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vẫn vắng mặt, người làm chứng là ông B vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, ông B.

[2] Về hôn nhân: Anh Q và chị H kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh Q và chị H đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên cuộc sống không hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Chị H cho rằng anh Q có người phụ nữ khác nhưng không có căn cứ chứng minh. Anh Q kiên quyết ly hôn, chị H bỏ mặc để anh Q tự giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho anh Q ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2012. Hiện nay, cháu N đang ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy anh Q và chị H đều thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H làm giáo viên trường mầm non xã X, huyện T, có công việc và thu nhập ổn định nên giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu N theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q đóng góp tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ: Anh Q và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hải Q và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Lê Bảo N, sinh ngày 06-11-2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Q không phải đóng góp tiền nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000834 ngày 27-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh Q đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh